

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1047/2022/DS-ST

Ngày: 14/06/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhon
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 2313/2019/TLST- DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2022/QĐXX – ST ngày 18/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2022/QĐ – HPT ngày 17/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần O

Địa chỉ: Lầu 8 – Số 266 – 268 NKKN, Phường M, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc M (Giấy ủy quyền số 217/2021/UY-TTT ngày 26/3/2021 (Xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc D (Vắng mặt)

Địa chỉ: 117/3 XVNT, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2019, các bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/05/2008, ông Nguyễn Quốc D có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần O Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-7706, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín

dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng” với hạn mức như sau:

- Tổng hạn mức cấp tín dụng: 19.000.000VND (Bằng chữ: Mười chín triệu đồng); Lãi suất vay 2.15%/tháng; Lãi quá hạn: 3.225%/tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền đã rút là 71,935,574 đồng và ông đã thanh toán lại cho Ngân hàng tổng số tiền 87,641,000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 5,760,166 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 01/12/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng Thương mại cổ phần O đề nghị Quý Tòa buộc bị đơn ông Nguyễn Quốc D phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần O tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 14/06/2022 là 22,806,742 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai triệu tám không sáu ngàn bảy trăm bốn mươi hai đồng*) trong đó:

- Nợ gốc : 5,760,166 đồng

- Lãi quá hạn : 17,046,576 đồng

Ngoài ra, yêu cầu ông D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/06/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn ông Lã Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn đề nghị được giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện và các bản tự khai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015..

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

* Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

* Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, người đại diện đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Điều 463, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở.

4. *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí theo quy định, hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần O với ông Nguyễn Quốc D là tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng. Theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 427/2021/QĐ-CCTLCC ngày 24/3/2021 của Công an phường 17, quận Bình Thạnh và Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 1783/2020/QĐ-CCTLCC ngày 12/11/2020 của Công an phường An Phú, Quận 2. Xét, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo luật cư trú nên địa chỉ 117/3 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú cuối cùng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Quốc D, đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ, các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, giấy triệu tập đến tòa trình bày lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải;

Quyết định đưa vụ án ra xét xử + Các bản pho to về Biên bản về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Dũng đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện nguyên đơn ông Lã Ngọc M, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình thông qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Bị đơn có ký Hợp đồng thế tín dụng số 472074-7706 ngày 23/05/2008 với nguyên đơn và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 14/6/2022 với tổng số tiền là 22.806.742 đồng (Trong đó nợ gốc: 5.760.166 đồng; Lãi quá hạn: 17.046.576 đồng)

Hội đồng xét xử xét:

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thế tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 23/05/2008 (Gọi tắt là Hợp đồng thế tín dụng số 472074-7706). Do ông Dũng không thanh toán số tiền nợ còn thiếu nên ngày 01/12/2014 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Căn cứ Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên cũng như quy định tại Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Căn cứ Điều 471, khoản 5 Điều 474, Điều 476, Điều 478 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 468, Điều 470; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 14/6/2022 với tổng số tiền là 22.806.742 đồng (Trong đó nợ gốc: 5.760.166 đồng; Lãi quá hạn: 17.046.576 đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận, đồng thời điều này cũng phù hợp với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày xét xử là ngày 15/06/2022 cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất

thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

3. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, khoản 5 Điều 474, Điều 476, Điều 478 của Bộ luật Dân sự 2005; Căn cứ Điều 463, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các khoản 3 và 4 Điều 8, Điều 10, điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần O.

Buộc ông Nguyễn Quốc D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần O số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 23/05/2008 với tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 14/6/2022 là 22.806.742 (Hai mươi hai triệu tám trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm bốn mươi hai) đồng (Trong đó nợ gốc: 5.760.166 đồng; Lãi quá hạn: 17.046.576 đồng).

Phương thức thanh toán: Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ sau ngày xét xử 15/6/2022, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Quốc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.140.337 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi ngàn ba trăm ba mươi bảy đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần O không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 421.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0017268 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần O.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhơn Nguyễn Thị Bích Thân

Nguyễn Thị Thanh Thủy